TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2025/HC-PT
Ngày 07 tháng 02 năm 2025
V/v: Khiếu kiện quyết định, hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Anh Văn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 1006/2024/TLPT-HC ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định, hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3706/2024/QĐPT-HC ngày 26 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Lê Thị Thúy L (chết ngày 31/5/2024).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị Thúy L:

1.1. Ông Trần Quang H, sinh 1960 (chồng của bà L), vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

1.2. Anh Trần Lê H1 (con của bà L), vắng mặt.

1.3. Anh Trần Lê V (con của bà L), vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Nhà số 52/84/40 đường N, Phường X, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Lê H1 và anh Trần Lê V: Ông Trần Quang H, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Phó giám đốc Sở T tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn L, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long: Ông Đặng Minh Q, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long:

- Ông Phạm Văn P, chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- Ông Lê Hồng T, chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: ông Trần Quang H, sinh năm 1960; địa chỉ: Nhà số 52/84/40 đường N, Phường X, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Trần Quang H là người đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2023 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện bà Lê Thị Thúy L, sau đó là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L trình bày:

Ngày 27/12/2019 Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố V, tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 8466/QĐ-UBND thu hồi của bà Lê Thị Thúy L 19,9 m^2 đất thuộc thửa số 59, tờ bản đồ số 16, tại Phường 2, thành phố Vĩnh Long để thực hiện dự án: Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam – Tiểu dự án thành phố Vĩnh Long, hạng mục công trình: Đường ranh Phường 2, Phường 9, thành phố Vĩnh Long, nhưng đến tháng 10/2020 bà L mới nhận được quyết định thu hồi đất.

Ngày 13/5/2022 Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2185/QĐ-UBND cưỡng chế đối thu hồi 19,9 m^2 đất nêu trên của bà L. Việc cưỡng chế thu hồi đất này là không hợp pháp, sai ở khâu kiểm đếm tài sản, do đất bị thu hồi là đất ở nhưng trong biên bản lại ghi là đất trồng cây lâu năm nên bà L không đồng ý ký tên vào biên bản kiểm đếm. Sau đó UBND thành phố V áp giá bồi thường theo giá đất trồng cây lâu năm, nên bà L không đồng ý giao đất, nhưng do

bị Ban cưỡng chế ép buộc nên ngày 15/6/2023 bà L buộc phải giao 19,9 m^2 đất vì nếu không giao thì cũng bị cưỡng chế theo quy định.

Không đồng ý với quyết định cưỡng chế thu hồi đất, bà L có đơn khiếu nại yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố V hủy bỏ quyết định này nhưng Chủ tịch UBND thành phố Vĩnh Long lại ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 3397/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 bác đơn khiếu nại của bà L. Bà L khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh V yêu cầu hủy quyết định cưỡng chế và quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố V. Ngày 21/10/2022, Chủ tịch UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 2214/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần hai), bác đơn khiếu nại của bà L, giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố V. Việc Chủ tịch UBND thành phố V bác khiếu nại của bà là không hợp pháp kéo theo Chủ tịch UBND tỉnh V giải quyết lần 2 bác khiếu nại của bà cũng không hợp pháp.

Ngoài ra, đối với dự án nêu trên có bố trí nền đất tái định cư cho những hộ dân bị thu hồi đất. Bà L bị thu hồi đất, chỉ còn lại khoảng 43 m^2 đất trồng cây lâu năm nên trường hợp này UBND thành phố V phải xét cấp nền tái định cư cho bà L. Ngày 27/12/2019, UBND thành phố V ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án trên, trong đó có bà L được bồi thường 19,9 m^2 đất trồng cây lâu năm, giá bồi thường 2.681.400 đồng/m^2, thành tiền 53.359.860 đồng nhưng đến tháng 10/2020 bà L mới nhận được quyết định này. Từ đó đến nay bà L không có khiếu nại hay khởi kiện yêu cầu xét cấp nền đất tái định cư vì chờ khi nào chính quyền giải quyết bồi thường 19,9 m^2 đất theo giá đất ở xong thì mới khởi kiện về vấn đề tái định cư.

Do đó, nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

1/ Hủy Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 13/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi 19,9 m^2 đất thuộc thửa số 59, tờ bản đồ 16, Phường 2, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long của bà Lê Thị Thúy L;

2/ Hủy Quyết định số 3397/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), không chấp nhận đơn khiếu nại của bà Lê Thị Thúy L;

3/ Hủy Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh V về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) không chấp nhận đơn khiếu nại của bà Lê Thị Thúy L;

4/ Buộc UBND thành phố V thực hiện hành vi xét cấp nền đất tái định cư cho bà L theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Quang H thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy L.

Ngày 31/5/2024 bà L chết. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L (do ông Trần Quang H đại diện) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại Văn bản trình bày ý kiến số 1766/UBND-NC ngày 17/4/2024, người đại diện hợp pháp của UBND thành phố V và của Chủ tịch UBND thành phố V trình bày:

Ngày 27/12/2019, UBND thành phố V ban hành quyết định số 8466/QĐ-UBND thu hồi 19,9 m^2 đất trồng cây lâu năm của bà Lê Thị Thúy L, thuộc một phần thửa đất số 59, tờ bản đồ số 16, tại Phường 2, thành phố Vĩnh Long để thực hiện dự án: Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam – Tiểu dự án thành phố Vĩnh Long; hạng mục công trình: Đường ranh Phường 2, Phường 9, thành phố Vĩnh Long. Cùng ngày, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 8292/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án trên, trong đó bà L được bồi thường 19,9 m^2 đất trồng cây lâu năm bằng số tiền 53.359.860 đồng.

Sau khi quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có hiệu lực thi hành, Tổ công tác nhiều lần đến vận động bà L giao đất để công trình sớm được thi công nhưng bà L không đồng ý giao đất. Vì vậy, ngày 13/5/2022 Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2185/QĐ-UBND, cưỡng chế thu hồi đất đối với bà L. Ngày 18/5/2022, Tổ công tác công bố và giao quyết định cưỡng chế thu hồi đất cho bà L. bà L nhận quyết định cưỡng chế nhưng không bàn giao mặt bằng. Sau đó Ban thực hiện cưỡng chế kết hợp với các ban ngành đoàn thể tiếp tục nhiều lần đến vận động, bà L tự tháo dỡ, di dời nhà và vật kiến trúc trên phần đất đã thu hồi, đến ngày 15/6/2023 bà L đã bàn giao xong mặt bằng cho Ban quản lý dự án. Việc Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 13/5/2022, cưỡng chế thu hồi đất đối với bà L là đúng quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

Đối với Quyết định số 3397/QĐ- UBND ngày 01/8/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) không chấp nhận đơn khiếu nại của bà Lê Thị Thúy L: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà L, Chủ tịch UBND thành phố V giao các cơ quan tham mưu tiến hành xác minh làm rõ để có căn cứ giải quyết khiếu nại cho bà L. Đến ngày 15/7/2022, Chủ tịch UBND thành phố V tiếp xúc đối thoại với vợ chồng bà L. Qua đối thoại, xét thấy đơn khiếu nại của bà L yêu cầu áp giá bồi thường cho bà 19,9 m^2 đất theo giá đất ở là không có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, ngày 01/8/2022, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 3397/QĐ-UBND, không chấp nhận đơn khiếu nại của bà L là đúng.

Đối với yêu cầu của bà L đề nghị UBND thành phố V xét cấp nền tái định cư cho bà: Căn cứ mục 3.2 và 3.5 của Khung chính sách tái định cư Dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam quy định: "*Hộ gia đình cá nhân bị thu hồi toàn bộ nhà ở, đất đủ điều kiện bồi thường hoặc diện tích còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để cấp phép xây dựng nếu không có đất ở khác trên địa bàn Phường nơi bị ảnh hưởng bởi dự án sẽ được bố trí tái định cư;*" và theo Điều 6 Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh V quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long thì trong trường hợp này, phần đất thu hồi của bà L có diện tích 19,9 m^2 là đất trồng cây lâu năm, không phải là đất ở, nên bà L không đủ điều kiện để được bố trí tái định cư

theo quy định. Ngoài ra, bà L trình bày tháng 10/2020 bà nhận được Quyết định số 8292/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nhưng bà không khởi kiện yêu cầu cấp nền tái định cư đến nay bà L mới khởi kiện là đã hết thời hiệu, đề nghị Tòa đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Do đó, UBND thành phố V và Chủ tịch UBND thành phố V đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại Văn bản số 2078/UBND-BTCDNC ngày 09/4/2024, Chủ tịch UBND tỉnh V trình bày:

Năm 2005, bà Lê Thị Thúy L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 59, tờ bản đồ số 16, diện tích 884,8 m^2, mục đích sử dụng đất ở đô thị và trồng cây lâu năm, trong đó đất ở đô thị là 200 m^2, đất trồng cây lâu năm là 684,8 m^2.

Đến năm 2008, thực hiện Dự án xây dựng đường 2 Tháng 9 nối dài (nay là đường Võ Văn Kiệt), Nhà nước đã thu hồi của bà Lê Thị Thúy L diện tích 834,8 m^2 đất (gồm 200 m^2 đất ở đô thị và 634,8 m^2 đất trồng cây lâu năm). Như vậy, diện tích đất ở đô thị bà L được cấp giấy chứng nhận đã bị thu hồi hết (200m^2), diện tích đất còn lại của thửa số 59, tờ bản đồ số 16 là đất trồng cây lâu năm. Năm 2013, UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L đối với diện tích còn lại của thửa số 59, tờ bản đồ số 16, diện tích 56,7m^2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà L không có khiếu nại về loại đất. Đến nay theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì 19,9 m^2 đất của bà L bị thu hồi vẫn là đất trồng cây lâu năm.

Thực hiện Dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, vay vốn WB; hạng mục đường ranh Phường 2, Phường 9, ngày 27/12/2019, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 8466/QĐ-UBND thu hồi của bà L 19,9 m^2 đất trồng cây lâu năm là đúng quy định. Sau khi được tổ công tác vận động nhiều lần nhưng bà L không tự nguyện giao đất cho Ban quản lý dự án để thi công công trình nên Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 13/5/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà L là đúng thẩm quyền, đảm bảo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 11 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

bà L khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh V yêu cầu hủy Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 13/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà. Qua xác minh, xem xét nội dung khiếu nại của bà L, xét thấy yêu cầu của bà là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 giải quyết khiếu nại (lần 2) bác khiếu nại của bà L là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết phù hợp quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

Từ những căn cứ trên, Chủ tịch UBND tỉnh V không đồng ý hủy Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà L.

Tại Bản án số 02/2024/HC-ST ngày 08 tháng 08 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định (tóm tắt):

…

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy L (đã chết), có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: ông Trần Quang H, anh Trần Lê H1 và anh Trần Lê V và bác yêu cầu của ông Trần Quang H về việc hủy các quyết định hành chính sau đây: Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 13/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi 19,9 m^2 đất thuộc thửa số 59, tờ bản đồ 16, Phường 2, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long của bà Lê Thị Thúy L; Quyết định số 3397/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh V về việc giải quyết khiếu nại (lần hai).

2. *Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị Thúy L và yêu cầu của ông Trần Quang H về việc buộc UBND thành phố V thực hiện hành vi xét cấp nền tái định cư.*

(Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và thông báo cho các bên đương sự quyền kháng cáo bản án sơ thẩm).

Ngày 19/8/2024, ông Trần Quang H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, hủy Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 13/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V; Quyết định số 3397/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V và Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh V; buộc UBND thành phố V cấp nền tái định cư cho bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Quang H vừa là người đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện, vừa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Những người đại diện hợp pháp cho những người bị kiện cũng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người bị kiện phát biểu quan điểm xác định việc Chủ tịch UBND thành phố V ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất của bà L, và quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, cũng như việc Chủ tịch UBND tỉnh V ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần thứ hai là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; đồng thời việc UBND thành phố V không bố trí nền đất tái định cư cho bà L vì diện tích đất bà L bị thu hồi là đất trồng cây lâu năm là đúng; đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, xác định những người bị kiện đã ban hành các quyết định hành chính đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục luật định và nội dung các quyết định là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với yêu cầu của bà L đòi bố trí nền đất tái định cư cũng không có cơ sở chấp nhận, vì đất bà L bị thu hồi là đất trồng cây lâu năm. ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền; trong quá trình giải quyết vụ án đã xác định đúng và đầy đủ tư cách của các đương sự, đúng và đầy đủ đối tượng khởi kiện và xác định vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện là phù hợp với các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Ông Trần Quang H vừa là người đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện, vừa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Những người đại diện hợp pháp cho những người bị kiện cũng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét kháng cáo của ông Trần Quang H:

[3.1] Đối với yêu cầu kháng cáo buộc UBND thành phố V phải cấp nền tái định cư phần bà L được hưởng để ông H và các con ổn định cuộc sống: Xét ngày 27/12/2019, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 8292/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thu hồi 19,9 m^2 đất của bà L, theo đó bà L được bồi thường số tiền 53.359.860 đồng, không bố trí tái định cư. Theo bà L trình bày thì đến tháng 10/2020 bà mới nhận được quyết định hành chính nêu trên. Vì vậy, đến ngày 26/10/2023 bà L mới khởi kiện, trong đó có yêu cầu UBND thành phố V thực hiện việc bố trí nền đất tái định cư cho bà là đã quá 01 (một) năm tính từ ngày bà L nhận được quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của bà L. Bà L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L (sau khi bà L chết) nêu lý do không khiếu nại, khởi kiện Quyết định số 8292/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là để chờ khi nào UBND thành phố V giải quyết xong việc bồi thường diện tích đất thu hồi của bà L theo giá đất ở thì mới khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, xác định yêu cầu khởi kiện này của bà L đã hết thời hiệu khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. ông H kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ, tài liệu chứng minh

cho sự trở ngại khách quan khiến cho bà L không thể khởi kiện trong thời hạn luật định, nên kháng cáo của ông H về nội dung này là không có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Đối với kháng cáo đề nghị hủy Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 13/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V (về cưỡng chế thu hồi đất); Quyết định số 3397/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V (về việc giải quyết khiếu nại lần đầu) và Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh V (về việc giải quyết khiếu nại lần hai):

[3.2.1] UBND thành phố V thu hồi của bà Lê Thị Thúy L diện tích 19,9 m^2 đất thuộc thửa số 59, tờ bản đồ số 16 và bồi thường theo đơn giá đất trồng cây lâu năm. bà L không đồng ý, yêu cầu phải được bồi thường theo đơn giá đất ở đô thị. Trước khi phát sinh vụ án này, bà L đã khởi kiện đối với một phần Quyết định số 8292/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố V (mục 126 phần bồi thường về đất), yêu cầu UBND thành phố V phải bồi thường cho bà theo đơn giá đất ở đô thị. Tuy nhiên, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 674893, số vào sổ cấp GCN: CH01531 do UBND thành phố V cấp ngày 19/9/2013 cho bà Lê Thị Thúy L đã ghi thông tin về thửa đất số 59, tờ bản đồ số 16, khóm 4, Phường 2, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, diện tích 56,7 m^2, có mục đích sử dụng là: *Đất trồng cây lâu năm*. Tại Điều 1 của Quyết định số 8466/QĐ-UBND ngày 27/12/2019, UBND thành phố V cũng ghi: "*Thu hồi 19,9 m^2 đất, loại đất trồng cây lâu năm (CLN) của bà Lê Thị Thúy L, thuộc một phần thửa số 59, tờ bản đồ số 16, tại Phường 2, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long*". Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. bà L kháng cáo. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 785/2023/HC-PT ngày 07/9/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Như vậy, việc xác định diện tích 19,9 m^2 đất bà L bị thu hồi là đất trồng cây lâu năm, không phải là đất ở đã được giải quyết bằng bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Hơn nữa, phần diện tích đất ở nằm trong thửa số 59, tờ bản đồ số 16 của bà L là 200 m^2 thì đã bị Nhà nước thu hồi từ năm 2008, khi thực hiện Dự án xây dựng đường 2 Tháng 9 nối dài (nay là đường Võ Văn Kiệt). Do đó, ở lần thu hồi 19,9 m^2 đất này, UBND thành phố V bồi thường cho bà L theo đơn giá đất trồng cây lâu năm là có căn cứ. Mặc dù đã được vận động nhiều lần nhưng bà L không chấp hành việc bàn giao đất để thực hiện dự án, nên Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 13/5/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất của bà L là đúng thẩm quyền, đúng quy định tại điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

[3.2.2] Ngày 03/6/2022, bà L gửi đơn khiếu nại, yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố V thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 13/5/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất của bà L. UBND thành phố V đã thụ lý đơn của bà L, tiến hành xác minh, tổ chức đối thoại với bà L. Trên cơ sở kết quả xác minh, đối thoại, Chủ tịch UBND thành phố V xét thấy việc bà L đòi bồi thường với giá đất ở là không có cơ sở chấp nhận, nên đã ban hành Quyết định số 3397/QĐ-UBND ngày 01/8/2022, không chấp nhận khiếu nại của bà L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.2.3] Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố V, bà L tiếp tục có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh V. Ngày 06/9/2022, UBND tỉnh V thụ lý đơn của bà L. Trên cơ sở xác minh các tình tiết liên quan, Chủ tịch UBND tỉnh V đã ban hành Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 giải quyết khiếu nại lần thứ hai, theo đó không chấp nhận khiếu nại của bà L là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ông H kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ, tài liệu chứng minh, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông H về việc hủy các quyết định hành chính nêu trên.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phúc phúc thẩm. Nhưng do ông H là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quang H; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, xử:

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy L (đã chết năm 2024), có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm ông Trần Quang H, anh Trần Lê H1, anh Trần Lê V và yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang H về: hủy Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 13/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V (về cưỡng chế thu hồi đất); hủy Quyết định số 3397/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V (về việc giải quyết khiếu nại lần đầu) và hủy Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh V (về việc giải quyết khiếu nại lần hai); yêu cầu về buộc UBND thành phố V phải cấp nền tái định cư khi thu hồi 19,9 m^2 đất của bà Lê Thị Thúy L.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Trần Quang H được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Quang H số tiền 300.000 đồng án tạm ứng phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0015078 ngày 21/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long (1);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1);
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long (1);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HS, VP, 22b, PMT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Anh Văn